MEC
ONLINE LEARNING

CLASS: **STARTERS 1A.110** DATE: **03/10/2021**
NAME: ..... TEACHER: **Covered by Ms. Nhung**

UNIT 4: MY FAMILY AND FRIENDS LESSON 1

Student's book p.44-45 + Workbook p.30-31 (Sách bài học trang 44-45 + sách bài tập trang 30-31)

Task 1: Write the lesson in your notebook. (Viết nội dung bài vào tập) (Track 048)

Sunday, October 03rd, 2021
Unit 4: My family and friends Lesson 1

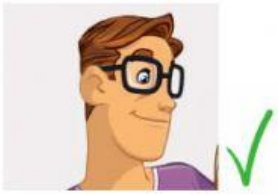
Vocabulary:

1. mother (mom): *mẹ*
2. father (dad): *ba*
3. sister: *chị/em gái*
4. brother: *anh/em trai*
5. parents: *ba mẹ*
6. children: *đứa con/trẻ em*
7. family: *gia đình*
8. friend: *bạn*

Structure:

- He is my brother. (Cậu ấy là anh/em trai của tôi)
- He is not my bother. (Cậu ấy không phải là anh/em trai của tôi)
- She is my sister. (Cô ấy là chị/em gái của tôi)
- She is not my sister. (Cô ấy không phải là chị/em gái của tôi)
- They are my parents. (Họ là ba mẹ cũa tôi)
- They are not my parents. (Họ không phải là ba mẹ cũa tôi)

Task 2: Look, read and write "is/ is not"; "are/ are not". Nhìn, đọc và viết is/ is not; are/ are not)

1. 

He ..... my father (dad).

2. 

She ..... my mother (mom).

3. 

He ..... my brother

4. 

He ..... my friend.

LIVEWORKSHEETS

5. 

She ..... my sister.

6. 

They ..... my children.

7. 

They ..... my family.

8. 

They ..... my parents.

Notes (Dặn dò):

- Do task 1, 2 at home. (Làm bài 1, 2 ở nhà theo hướng dẫn).
- Do workbook pages 30, 31 (Làm bài tập trong sách bài tập trang 30, 31).
- Review vocabulary and structures of unit 4. Lesson 1. (Ôn lại từ vựng và cấu trúc bài hôm nay).
- Learn the first 4 words. (Học thuộc nghĩa và cách viết 04 từ vựng đầu, hôm sau teacher trả bài nhé)
- Nhờ phụ huynh hỗ trợ con làm bài và học bài. Nếu có khó khăn vui lòng liên hệ qua zalo MEC).
- Phụ huynh cho con nghe lại Track 048 (cách đọc từ vựng bài hôm nay)

LIVEWORKSHEETS